

PHỤ LỤC

Giao biên chế hành chính cấp tỉnh, cấp huyện khối chính quyền địa phương năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 776 /QĐ-UBND ngày 31/ 12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan (bao gồm đơn vị trực thuộc)	Biên chế giao năm 2024 (theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 22/01/2024 của HĐND tỉnh)	Biên chế giao năm 2025 (theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh)		Ghi chú
			Tăng/giảm năm 2025	Biên chế giao năm 2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3) + (4)	(6)
	TOÀN TỈNH (I+II+III)	1.627	-19	1.608	
I	CẤP TỈNH	1.067	-11	1.056	Tình giảm 11 biên chế năm 2025 của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo lộ trình đề ra tại Quyết định số 1101-QĐ/TU ngày 09/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
1	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban chuyên trách	10	0	10	
2	Lãnh đạo UBND tỉnh	4	0	4	
3	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	22	0	22	
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	52	-1	51	
4.1	Cơ quan Văn phòng	47	-1	46	
4.2	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	5	0	5	
5	Sở Nội vụ	51	-1	50	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	304	-3	301	
6.1	Cơ quan Sở	46	1	47	Tiếp nhận 01 biên chế từ biên chế chưa sử dụng của Chi cục Kiểm lâm để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ
6.2	Chi cục Thủy lợi	13	-1	12	
6.3	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	13	0	13	
6.4	Chi cục Phát triển nông thôn	13	0	13	
6.5	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	15	0	15	
6.6	Chi cục Thủy sản	25	0	25	
6.7	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	12	0	12	
6.8	Chi cục Kiểm lâm	167	-3	164	Tình giảm 02 biên chế năm 2025 theo lộ trình đề ra tại Quyết định số 1101-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đồng thời, chuyển 01 biên chế chưa sử dụng sang Cơ quan Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
7	Sở Tư pháp	29	0	29	
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	46	0	46	
9	Sở Tài chính	42	0	42	
10	Sở Công Thương	33	0	33	

STT	Tên cơ quan (bao gồm đơn vị trực thuộc)	Biên chế giao năm 2024 (theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 22/01/2024 của HĐND tỉnh)	Biên chế giao năm 2025 (theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh)		Ghi chú
			Tăng/giảm năm 2025	Biên chế giao năm 2025	
11	Sở Giao thông vận tải	50	-1	49	
11.1	Cơ quan Sở	26	0	26	
11.2	Thanh tra giao thông vận tải	24	-1	23	
12	Sở Xây dựng	52	-1	51	
12.1	Cơ quan Sở	37	-1	36	
12.2	Thanh tra Sở Xây dựng	15	0	15	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	54	0	54	
13.1	Cơ quan Sở	42	0	42	
13.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	12	0	12	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	22	-1	21	
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	46	0	46	
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	41	-1	40	
17	Sở Khoa học và Công nghệ	32	0	32	
17.1	Cơ quan Sở	20	0	20	
17.2	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	12	0	12	
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	-1	48	
19	Sở Y tế	58	0	58	
19.1	Cơ quan Sở	34	0	34	
19.2	Chi cục Dân số-Kế hoạch hóa gia đình	12	0	12	
19.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	12	0	12	
20	Ban Dân tộc	15	-1	14	
21	Thanh tra tỉnh	31	0	31	
22	Ban Quản lý các khu công nghiệp	16	0	16	
23	Văn phòng Thường trực Ban An toàn giao thông	3	0	3	
24	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	5	0	5	
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	560	-8	552	
1	UBND Huyện Bác Ái	78	-1	77	
2	UBND Huyện Ninh Phước	82	-1	81	
3	UBND Huyện Ninh Sơn	77	-1	76	
4	UBND Huyện Thuận Bắc	78	-2	76	
5	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	85	-1	84	
6	UBND Huyện Ninh Hải	83	-1	82	
7	UBND Huyện Thuận Nam	77	-1	76	
III	Biên chế dự phòng phục vụ tình giảm của TW và phục vụ khi phát sinh công việc cấp bách, đột xuất hoặc để thực hiện công tác cán bộ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền	0	0	0	

STT	Tên cơ quan (bao gồm đơn vị trực thuộc)	Biên chế giao năm 2024 (theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 22/01/2024 của HĐND tỉnh)	Biên chế giao năm 2025 (theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh)		Ghi chú
		Tăng/giảm năm 2025	Biên chế giao năm 2025		

Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc diện dự kiến sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của Trung ương và Kết luận số 536-KL/TU ngày 06/12/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; sẽ tiếp tục điều chỉnh, phân bổ biên chế phù hợp qua sắp xếp tổ chức bộ máy trong thời gian tới./.